

THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC THEO DỰ ÁN VÀO MÔN GIÁO DỤC HỌC TRONG CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM HIỆN NAY

ThS. ĐINH THỊ TÌNH*

Trong mấy năm qua, việc ứng dụng mục tiêu kép của dạy học theo dự án (DHTDA) trong đào tạo giáo viên trung học cơ sở (THCS) ở trường cao đẳng sư phạm (CĐSP) được thực hiện khá hiệu quả. Giảng viên (GV) CĐSP đào tạo giáo viên hệ THCS đã được tập huấn về DHTDA khá bài bản và ứng dụng tích cực đối với các môn học nói chung và môn *Giáo dục học* (GDH) nói riêng. Tuy nhiên, nhận thức đầy đủ về PP DHTDA ở mỗi GV của các trường không phải hoàn toàn giống nhau, nhiều GV mặc dù đã tham gia đầy đủ các lớp tập huấn nhưng khi lên lớp lại rất e dè khi vận dụng PPDH này, đặc biệt là những GV dạy môn *GDH*.

1. Thực trạng vận dụng DHTDA vào DH môn GDH trong các trường CĐSP

Qua khảo sát thực trạng vận dụng PPDHTDA vào DH môn *GDH* ở một số trường CĐSP hiện nay, chúng tôi nhận thấy:

1) Nhận thức và đánh giá về PPDHTDA trong DH môn GDH của GV: Phần lớn GV đều rất quan tâm đến hình thức DH này (60,87%), cho rằng PPDHTDA rất hay và thú vị. Một số GV (15,21%) tuy thích thú với PP này nhưng lại cho rằng khó vận dụng ở Việt Nam và PPDH này còn quá nhiều mới mẻ nên cũng gặp khó khăn khi vận dụng. Vẫn còn 2,17% GV được hỏi cho rằng PP này chưa đem lại thay đổi gì và không có gì đặc biệt và 4,35% cho rằng PPDH này cũng bình thường như các PPDH khác.

Khi được hỏi về quá trình vận dụng PPDHTDA sau khi đã được tập huấn chúng tôi nhận được kết quả như sau:

Ở mức độ "thường xuyên", số GV vận dụng chưa cao chiếm 17,39%, nhưng ở mức độ "thỉnh thoảng" vận dụng tỉ lệ GV trả lời tới 69,56% (phần lớn các GV đều cho rằng PPDH họ chưa quen thậm chí còn thấy thiếu tự tin khi tiếp cận và vận dụng). Một số GV sau khi được tập huấn nhưng "chưa vận dụng bao giờ" chiếm 13,04%. Điều này cho thấy không phải GV nào khi giảng dạy môn *GDH* cũng sẽ hào hứng với PPDH mới này và để tìm hiểu thêm về vấn đề này chúng tôi đi tìm hiểu thêm một số những khó khăn GV thường gặp phải khi vận dụng PPDH này vào dạy học môn *GDH*.

2) Những khó khăn GV thường gặp khi vận dụng PPDHTDA vào DH môn GDH. Chúng tôi đưa ra 7 khó khăn với 3 mức độ (rất cơ bản; cơ bản; bình thường) cho GV lựa chọn, kết quả thu được như sau:

TT	Khó khăn	Mức độ		
		Rất cơ bản	Cơ bản	Bình thường
1	Khó khăn khi lựa chọn các chủ đề trong bài học	25 (54,35%)	10 (21,74%)	11 (23,91%)
2	Quý thời gian thực hiện DA hạn chế	19 (41,30)	018 (39,13)	9 (19,57)
3	Thiếu tự tin với những kiến thức được tập huấn	27 (58,69)	12 (26,09)	7 (15,22)
4	Cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường.	18 (39,13)	23 (50)	5 (10,87)
5	Quá trình đánh giá người học sau khi thực hiện DA	12 (26,09)	27 (58,69)	7 (15,22)
6	SV không thích thú với bộ môn GDH	24 (52,17)	13 (28,26)	9 (19,57)
7	Những khó khăn khác	4 (8,70)	34 (73,91)	8 (17,39)

Có thể thấy, khó khăn cơ bản nhất GV gặp phải vẫn là vấn đề lựa chọn các chủ đề trong bài học (54,35%); chỉ có 23,91% cho rằng đây là vấn đề bình thường. Khi hỏi về khó khăn trong quý thời gian thực hiện DA, 41,30% GV cho rằng đây là khó khăn rất cơ bản, 39,13% cho rằng cơ bản và 19,57% cho rằng bình thường. Bên cạnh đó, nhiều GV được tập huấn về PPDH này nhưng họ vẫn cảm thấy thiếu tự tin khi vận dụng (khó khăn rất cơ bản này chiếm đến 58,69%), chỉ có 15,22% GV cho rằng bình thường và rất tự tin khi vận dụng PPDH này vào giảng dạy. Khó khăn về cơ sở vật chất, trang thiết bị nhà trường, 50% GV cho là cơ bản, 15,22% cho rằng bình thường, có thể khắc phục được; chủ yếu các GV than phiền về trang thiết bị hỗ trợ cho thực hiện một số DA (như máy quay phim, máy chiếu...) chưa đầy đủ. Đối với quá trình đánh giá sau khi thực hiện DA, 26,09% ý kiến cho là khó khăn rất cơ bản; 58,69% cho là khó khăn cơ bản; chỉ có 15,22% GV cho là không gặp khó khăn gì. Sở dĩ họ thường xuyên gặp trong việc đánh giá các sinh viên (SV) trong quá trình thực hiện DA, vì có những DA được chia thành nhiều nhóm, các thành viên trong nhóm hoạt động theo năng lực và sự phân công nhiệm vụ khác nhau, một số DA SV phải thực hiện ngoài thời

* Trường Cao đẳng sư phạm Lạng Sơn

gian trên lớp... điều này dẫn đến việc đánh giá một cách chính xác kết quả thực hiện với từng SV thường chưa được khách quan. Nhưng những khó khăn trên chưa phải là chủ yếu, một trong những khó khăn lớn nhất GV dạy môn GDH gặp phải đó là chính là nhiều SV không có hứng thú với môn học này, khó khăn này chiếm đến 52,17%, chỉ có 19,57% GV cho rằng đây không phải là khó khăn cơ bản. Với môn GDH từ xưa đến nay vẫn được xem là môn học khô khan nhiều khái niệm, định nghĩa trừu tượng, là môn lí luận nghiệp vụ chung, không phải là môn chuyên sâu về chuyên ngành của SV, do vậy nhiều SV chưa thực sự thấy rõ tầm quan trọng của môn học, thời gian chủ yếu các em đầu tư cho môn chuyên ngành nhiều hơn... điều này có thể hiểu vì sao SV chưa thực sự hứng thú khi học môn GDH. Ngoài ra một số GV gặp phải những khó khăn cơ bản khác như: trình độ tin học của SV và GV, triển khai chủ đề nội dung đến người học, giám sát quá trình thực hiện DA, năng lực diễn đạt các báo cáo của người học... tất cả những khó khăn đó đều ảnh hưởng đến vấn đề vận dụng DHTDA vào dạy học bộ môn.

3) Đánh giá của GV về thái độ học tập của SV khi vận dụng PP DHTDA vào giảng dạy. Khi được hỏi về "Thái độ học tập của SV khi GV vận dụng PPDHTDA vào giảng dạy môn GDH", qua số liệu thu được, chúng tôi có thể khẳng định GV dạy môn GDH ở các trường CĐSP luôn đánh giá cao về PPDHTDA: 28,26% GV đều cho rằng khi vận dụng PPDHTDA vào giảng dạy không khí lớp học sôi nổi hơn, SV không còn thụ động và thờ ơ đối với bài học; 36,96% ý kiến GV khẳng định SV chú ý, tích cực học tập hơn và 32,61% GV cho rằng khi vận dụng PP này SV tiếp thu tri thức nhanh hơn, thuận lợi hơn. Nhiều GV khẳng định khi họ yêu cầu SV tự đưa ra các ý tưởng về chủ đề thực hiện DA, phần lớn SV đều nhiệt tình tham gia và cùng nhau lựa chọn nội dung cũng như hướng đi của DA, chính điều này đã giúp SV ngay từ đầu đã tiếp cận được được vấn đề đang quan tâm, từ đó các em tiếp thu bài có hiệu quả hơn, phát huy được tính tích cực trong học tập nhiều hơn. Song bên cạnh đó, vẫn còn 2,17% ý kiến GV cho rằng vận dụng PPDH mới họ cảm thấy SV cũng chỉ tiếp thu bình thường như với mọi PPDH khác (qua tìm hiểu thêm chúng tôi được biết một số ít các GV này gần như chỉ giới thiệu qua với SV về PPDHTDA, sau đó đưa ra một chủ đề cụ thể để SV thực hiện theo định hướng của họ, thậm chí có GV còn nhầm lẫn sang cả PPDH theo hợp đồng khi hướng dẫn SV làm DA; chính sự hiểu sai cũng như hướng dẫn SV không đúng quy trình của một DA đã dẫn đến việc các em không được tự do phát triển tư duy sáng tạo của mình, bản thân các nhóm khi thực hiện chủ đề GV giao cho bị lúng túng,

thụ động dẫn đến thái độ chán nản và không hiểu rõ nội dung nhóm mình đang làm sẽ như thế nào).

4) Những tác dụng quan trọng đối với SV khi GV vận dụng PP DHTDA vào giảng dạy môn GDH. Để tìm hiểu những tác dụng quan trọng của PPDH này, chúng tôi đặt câu hỏi: "Tác dụng nào trong những tác dụng dưới đây đồng chí cho là rất quan trọng trong việc vận dụng PPDHTDA khi dạy môn GDH?", kết quả chúng tôi thu được như sau:

Ở mức độ "rất quan trọng", 52,17% GV cho rằng PPDHTDA giúp SV gắn được giữa học lí thuyết với thực tiễn nhiều hơn; 45,66% GV khẳng định PPDH này giúp người học tự do khám phá ý tưởng gắn với sở thích và năng lực; 39,13% cho rằng có tác dụng kích thích động cơ, hứng thú học tập cho SV; 30,43% khẳng định PPDH trên giúp người học rèn kĩ năng vận dụng tri thức và khả năng tự nghiên cứu; 41,31% GV cho rằng có tác dụng giúp SV tự lực tìm hiểu và kiến tạo kiến thức; 50% khẳng định PP này giúp người học phát triển năng lực diễn đạt ngôn ngữ và tư duy sáng tạo; 47,83% ý kiến cho rằng PPDHTDA tăng cường tính tập thể và làm việc hợp tác trong nhóm và 36,96 ý kiến cho rằng có tác dụng giúp SV có khả năng tự đánh giá nhóm và đánh giá bản thân.

Ở mức độ "quan trọng", GV lựa chọn chiếm tỉ lệ cao: 52,17% lựa chọn tác dụng phát triển năng lực tự đánh giá và rèn kĩ năng vận dụng tri thức và khả năng tự nghiên cứu; cũng ở mức độ này, 50% ý kiến GV khẳng định PPDHTDA giúp phát triển kĩ năng hợp tác nhóm trong học tập cho SV; 47,83% lựa chọn tác dụng gắn liền được lí thuyết với thực tiễn và tự lực tìm hiểu, kiến tạo kiến thức. Bên cạnh các ý kiến khẳng định tầm quan trọng của các tác dụng khi vận dụng PPDH này, vẫn có một số ít GV cho rằng các tác dụng của PPDH này là bình thường; 10,87% lựa chọn tác dụng bình thường kích thích động cơ hứng thú học tập cho SV, tự lực tìm hiểu kiến tạo kiến thức và phát triển năng lực tự đánh giá; 2,17% cho rằng bình thường trong việc triển kĩ năng hợp tác nhóm trong học tập; 6,52% thấy bình thường với việc phát triển năng lực diễn đạt ngôn ngữ, tư duy sáng tạo....

2. Đánh giá chung về thực trạng vận dụng PPDHTDA vào DH môn GDH

Qua điều tra trên 40 GV giảng dạy môn GDH ở các trường CĐSP, chúng tôi nhận thấy: - Việc vận dụng PPDHTDA vào dạy môn GDH của GV ở các trường CĐSP còn rất thấp, chủ yếu GV vẫn quen với PPDH cũ, mà với một bộ môn luôn nặng về lí thuyết như môn GDH thì việc vận dụng một PPDH mới vào môn học ngay không phải là một chuyện dễ dàng, công việc này đòi hỏi sự nỗ lực rất cao của bản thân

(Xem tiếp trang 57)

tưởng... Như vậy, với cấu trúc mới, nội dung CT sẽ đảm bảo việc vừa giúp HS nắm được các kiến thức cơ bản của nghệ thuật thị giác, vừa biết được các ngôn ngữ đặc trưng của chất liệu tạo hình. Việc các khái niệm, các thuật ngữ trừu tượng khó hiểu... được cụ thể hoá đã giúp HS hiểu và nắm kiến thức vững chắc hơn. Ví dụ: khi học trang trí đường diềm (kiến thức cơ bản của môn MT), HS có thể tạo dáng chiếc đồng hồ đeo tay (bài học làm đồ vật trong môn *Thủ công*), sau đó vận dụng trang trí đường diềm vào dây đeo đồng hồ; sau đó các em có thể nặn dáng người và sử dụng chiếc đồng hồ đó trang trí cho hình nặn rồi xây dựng câu chuyện dựa trên hình ảnh có sẵn...

d) *Lựa chọn nội dung sẽ ẩn chứa các mạch xuyên suốt*. Cụ thể: - Trong PM *Vẽ đồ vật*: HS có thể hiểu được hình vẽ các đồ vật trong tương quan chung, đặc điểm riêng, cấu trúc, tỉ lệ... của chúng; - Trong PM *Vẽ tranh*: HS có thể tiếp thu kiến thức về vẽ tranh, sắp xếp các hình ảnh để tạo thành bố cục tranh đúng ý tưởng chủ đề; - Trong PM *Vẽ trang trí*: HS có thể hiểu cách thức trong trang trí, tầm quan trọng của trang trí ứng dụng trong cuộc sống; - Trong PM *Tạo dáng*: HS có thể phát triển tư duy hình ảnh không gian 3 chiều, lấy cảm hứng từ vật liệu tận dụng; - Trong PM *Thường thức MT*: HS có thể phân tích, đánh giá các tác phẩm theo cảm nhận riêng.

e) *Từ ma trận nội dung có thể xây dựng thành những chủ đề lớn, xuyên suốt cấp học*: các tiểu chủ đề đáp ứng được thực hiện theo quan điểm dạy học tích hợp liên môn; mỗi chủ đề sẽ tập trung vào một nội dung chính và trên cơ sở đó tạo mạch logic phát triển nội dung tiếp theo. □

(1) Bộ GD-ĐT. **Mục tiêu Chương trình phổ thông môn Mĩ thuật**, 2006.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD-ĐT. **Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học**, 2006.
2. Bộ GD-ĐT. **Chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở**, 2006
3. "*Cơ sở khoa học của việc xây dựng Chuẩn giáo dục phổ thông Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển chương trình giáo dục phổ thông sau 2015*" (chủ nhiệm đề tài: PGS. TS. Đỗ Tiến Đạt; mã số: B2011 - 37 - 08NV).

SUMMARY

Fine arts education contributes to forming and developing perception, language, aesthetic and creative skills for students. This article reviews the results of teaching arts in primary and junior secondary schools and suggests orientations for renovating the teaching and learning of this subject after 2015.

Thực trạng vận dụng...

(Tiếp theo trang 25)

mỗi GV; - Phần lớn GV đánh giá cao về PPDH này nhưng khi vận dụng thì nhiều GV còn e ngại hoặc thiếu tự tin; - Trong quá trình vận dụng GV thường gặp nhiều khó khăn (như: lựa chọn các chủ đề thực hiện DA, cơ sở vật chất nhà trường không đáp ứng được, SV còn chưa có hứng thú với môn GDH); - Nhiều GV đánh giá cao PPDH này với những ưu điểm vượt trội so với các PPDH khác nhưng việc vận dụng vào giảng dạy bộ môn lại chưa hiệu quả.

3. Có thể thấy, đa số GV đều nhận thức rõ tác dụng hiệu quả của PPDHTDA; tuy nhiên, không phải GV nào cũng có hứng thú và sẵn sàng vận dụng. Ngoài ra, GV cũng không nên quá lạm dụng PPDH này trong tất cả các nội dung bài bài dạy. Vì không phải bài học nào, chương học nào cũng có thể vận dụng PPDH này vào giảng dạy được. Với những nội dung bài dạy khó lựa chọn chủ đề, GV cần có sự kết hợp khéo léo với những PPDH khác; phải biết lựa chọn hợp lí để phát huy tối đa những ưu điểm của mỗi PP

để tránh khỏi những sai lầm có thể xảy ra trong quá trình giảng dạy. □

Tài liệu tham khảo

1. Phan Trọng Ngọ. **Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường**. NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2005.
2. Dự án Việt - Bỉ. **Xây dựng kế hoạch tập huấn đồng đẳng về 3 phương pháp dạy học: học theo góc, theo hợp đồng và theo dự án**. Tài liệu tập huấn cho giảng viên các tỉnh miền núi phía Bắc, 2008.
3. Bộ GD-ĐT. **Chương trình chi tiết cao đẳng sư phạm học phần Giáo dục học**, H. 2004.
4. **Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học**. Tài liệu phục vụ hội thảo của Trường CĐSP Lạng Sơn, 2007.

SUMMARY

Project-Based Learning (PBL) have been being interesting by teachers because it can improve learners' skills such as groupwork, information searching, report writing, mindmapping... However, the application of this method in teaching the Pedagogics subject at Colleges of Pedagogy is not frequent. Therefore, the deployment, application of this method is not effective as desired.